|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**Số: /2025/NQ-HĐND | **CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Quảng Nam, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, phạmvi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí**

**hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

**KHÓA ……..KỲ HỌP THỨ ……………**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày.......tháng...... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về..........; Báo cáo thẩm tra số...... ngày .....tháng....năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng các nguồn kinh phí để hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa (sau đây viết tắt là Nghị định số 112/2024/NĐ-CP).

1. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, người sử dụng đất trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

**Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ địa phương sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa và các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

2. Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP được xác định theo số liệu thống kê đất đai của tỉnh do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; riêng đối với kinh phí phân bổ cho năm 2025 là số liệu thống kê đất đai của tỉnh năm 2023 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

3. Diện tích đất trồng lúa được hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP và công bố của năm liền kề trước năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

**Điều 3. Định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ**

1. Định mức hỗ trợ

a) Đối với nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh 40% tổng kinh phí; 60% kinh phí còn lại phân bổ cho ngân sách cấp huyện/xã (cấp cơ sở) tương ứng với số thu nộp vào ngân sách nhà nước của khoản kinh phí này phát sinh trên địa bàn.

b) Đối với nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP: Phân bổ cho ngân sách cấp huyện/xã (cấp cơ sở) 100% tổng kinh phí.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí tại khoản 1 Điều này được phân bổ để sử dụng chi cho các hoạt động sau:

a) Cấp tỉnh: Sử dụng 40% kinh phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều này để thực hiện các hoạt động tại điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định 112/NĐ-CP.

b) Cấp huyện/xã (cấp cơ sở): Sử dụng 60% kinh phí quy định tại điểm a khoản 1 và 100% kinh phí quy định tại điểm b khoản 1 Điều này để thực hiện các hoạt động tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định 112/NĐ-CP.

Giao UBND cấp cơ sở lập phương án hỗ trợ phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế của địa phương; sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa đảm bảo thiết thực, hiệu quả theo đúng quy định.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam Khoá …, Kỳ họp thứ…….. thông qua ngày……tháng……năm 2025 và có hiệu lực từ ngày …. tháng…….năm 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - UBTV Quốc hội;- VP: QH, CTN, CP;- Các Bộ: TC, NN&MT;- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;- Các Ban HĐND tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Cổng thông tin điện tử tỉnh;- TTXVN tại Quảng Nam- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;- Lưu: VT, CTHĐND. | **CHỦ TỊCH** |